

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2018/HS-PT
Ngày 09-5-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tôn Văn Thông

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Tĩnh

Ông Bùi Quang Sơn

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Nhật Trường - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Ngọc Nôm - Kiểm sát viên

Ngày 09 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 22/2018/TLPT-HS ngày 16 tháng 3 năm 2018 đối với bị cáo Vũ Thị T do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 01/2018/HS-ST ngày 06 tháng 02 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Bến Tre.

Bị cáo có kháng cáo: **Vũ Thị T**, sinh năm 1978 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: ấp Đ, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: mua bán; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Hùng T và bà Phạm Thị B (chết); chồng: Lê Thanh H, sinh năm 1971; có 01 con sinh năm 2008; tiền án: không; tiền sự: không; nhân thân: tại Quyết định số 0000969/QĐ-XPVPHC ngày 02/6/2016 của Đội Quản lý thị trường số 4 - Chi cục Quản lý thị trường tỉnh Bến Tre xử phạt vi phạm hành chính với số tiền 3.500.000 đồng về hành vi kinh doanh hàng cấm là thuốc lá điều nhập lậu, chấp hành xong ngày 03/6/2016; bị cáo tại ngoại; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 17 giờ 10 phút ngày 03/8/2017, tại nhà Vũ Thị T thuộc ấp Đ, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre, lực lượng Công an huyện G phối hợp với Công an xã T, huyện G tiến hành lập biên bản phạm pháp quả tang đối với Vũ Thị T về hành vi bán số đề,

tạm giữ từ T các tài liệu, đồ vật gồm: 01 điện thoại di động hiệu Nokia, vỏ màu xanh, bên trong gắn thẻ sim số 01234500766; 01 quyển tập học sinh bên trong có ghi nhiều chữ số; 01 tờ giấy tập học sinh có ghi nhiều chữ số.

Qua kiểm tra thông tin trong điện thoại sim số 01234500766, quyển tập và tờ giấy học sinh tạm giữ từ Vũ Thị T và trong quá trình điều tra, Vũ Thị T khai nhận: Vào ngày 03/8/2017, T bán số đề qua điện thoại di động do người mua nhắn tin gửi đến hoặc người mua trực tiếp đến gặp T để ghi số đề. Sau đó, T tổng hợp và ghi số đề vào quyển tập học sinh mà Cơ quan điều tra đã tạm giữ. Trên cơ sở kết quả xổ số kiến thiết trong ngày, người mua 02 số tỷ lệ ăn thua 1/70 lần, mua 03 số hoặc số đá tỷ lệ ăn thua 1/600 lần, T bị lực lượng Công an phát hiện bán số đề sau khi có kết quả mở thưởng của các đài xổ số kiến thiết trong ngày 03/8/2017, T bán số đề như sau:

- Mai Thị N dùng điện thoại di động có số 0975875730 nhắn tin qua điện thoại của Vũ Thị T có số 01234500766 để mua số đề được thua bằng tiền với số đề và số tiền mua như sau: bao lô 30.000 đồng số 59 hai đài Tây Ninh và Bình Thuận; bao lô 5.000 đồng số 59 của đài An Giang; bao lô 33.000 đồng số 87, 2.000 đồng các số 54, 454 của đài Bình Thuận; số đầu 10.000 đồng số 454 và số đuôi 50.000 đồng số 454 của đài Bình Thuận. Với tổng số tiền là 2.033.000 đồng. N chưa giao tiền mua số đề cho T và không trúng thưởng số đề.

- Thái Văn Hoài H dùng điện thoại di động có số 0913540209 nhắn tin qua điện thoại của Vũ Thị T có số 01234500766 để mua số đề được thua bằng tiền với số đề và số tiền mua như sau: bao lô 5.000 đồng số 39 của ba đài Tây Ninh, An Giang và Bình Thuận. Với tổng số tiền mua số đề là 270.000 đồng. H chưa giao tiền mua số đề cho T và không trúng thưởng số đề.

- Trần Văn M trực tiếp đến nhà của Vũ Thị T để mua bao lô 1.000 đồng các số 75, 17, 075, 479 của ba đài Tây Ninh, An Giang và Bình Thuận. Với tổng số tiền mua số đề được thua bằng tiền là 264.000 đồng. M chưa giao tiền mua số đề cho T và không trúng thưởng số đề.

- Võ Hoài N1 trực tiếp đến nhà của Vũ Thị T để mua bao lô 5.000 đồng các số 84, 49, 25, 65, 17, 32, 72, 684 của đài Tây Ninh; 5.000 đồng số 32 đá 72 và 84 đá 49 của đài Tây Ninh; 2.000 đồng số 25 đá 65 và 17 đá 65 của đài Tây Ninh; 5.000 đồng đầu đuôi các số 684, 689, 817 của đài Tây Ninh. Với tổng số tiền mua số đề được thua bằng tiền là 1.249.000 đồng. N1 đã giao số tiền mua số đề cho T là 908.000 đồng. N trúng thưởng 5.000 đồng số đề 25 của 01 lô đài Tây Ninh, thành tiền 350.000 đồng. Tổng số tiền N dùng vào việc đánh bạc với T là 1.599.000 đồng.

- Võ Văn B đưa số tiền 846.000 đồng và tờ giấy ghi sẵn các con số đề cho Nguyễn Thị P để nhờ P trực tiếp đến nhà của Vũ Thị T mua số đề cho B, (P đồng ý và không có hưởng lợi từ việc mua số đề cho B) với số đề và số tiền mua như sau: bao lô 5.000 đồng các số 48, 59 của ba đài Tây Ninh, An Giang và Bình Thuận; 2.000 đồng số 48 đá 59 của ba đài Tây Ninh, An Giang và Bình Thuận; bao lô 5.000 đồng số 65 của đài Bình Thuận. Với tổng số tiền mua số đề được thua bằng tiền là 846.000

đồng. P đã giao số tiền mua số đề cho T là 611.000 đồng, số tiền còn lại 235.000 đồng P đã giao lại cho B. B trúng thưởng 5.000 đồng số đề 65 của lô đài Bình Thuận thành tiền 350.000 đồng. Tổng số tiền B và P dùng vào việc đánh bạc với T là 1.196.000 đồng.

Tổng số tiền Vũ Thị T bán số đề được thua bằng tiền là 4.662.000 đồng, tổng số tiền người mua số đề trúng thưởng là 700.000 đồng. Tổng số tiền Vũ Thị T dùng vào việc đánh bạc được thua bằng tiền là 5.362.000 đồng, trong đó T thu lợi bất chính từ việc bán số đề với số tiền 3.962.000 đồng.

Ngoài ra, Vũ Thị T còn khai nhận vào ngày 03/8/2017, T còn bán số đề cho 01 đối tượng tên N đến mua heo tại xã T, huyện G (chưa rõ họ tên và địa chỉ) do người này trực tiếp đến nhà T mua số đề với số tiền 720.000 đồng. T đã nhận của người này số tiền 520.000 đồng và 01 người T gọi là chú Sáu làm cho trại gà thuộc xã T, huyện G (chưa rõ họ tên và địa chỉ) dùng điện thoại di động số 01206813427 (số sim không chính chủ) nhắn tin qua điện thoại của Vũ Thị T có số 01234500766 để mua số đề được thua bằng tiền với tổng số tiền 59.000 đồng, người này chưa đưa tiền mua số đề cho T. Hai đối tượng trên không trúng thưởng số đề. Đồng thời, qua kiểm tra quyền tập học sinh thu giữ của Vũ Thị T và lời trình bày của T thì trong khoảng thời gian từ khoảng tháng 6/2017 đến trước ngày 03/8/2017 T có bán số đề, tuy nhiên T không ghi từng ngày cụ thể và tên của những người mua số đề, do đó T không nhớ bán cho ai với số tiền bao nhiêu mà chỉ nhớ được số tiền T thu lợi từ việc bán số đề là 1.000.000 đồng.

Vũ Thị T đã tự nguyện giao nộp số tiền thực tế đã nhận từ những người mua số đề của T vào ngày 03/8/2017 là 2.039.000 đồng; tiền thu lợi bất chính từ việc đánh bạc dưới hình thức bán số đề vào ngày 03/8/2017 là 3.962.000 đồng và số tiền thu lợi từ việc bán số đề trong thời gian trước ngày 03/8/2017 là 1.000.000 đồng. Tổng cộng là 7.001.000 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 01/2018/HS-ST ngày 06/02/2018 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Bến Tre đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Vũ Thị T phạm “Tội đánh bạc”;

Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 33 của Bộ luật Hình sự năm 1999; khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội;

Xử phạt bị cáo Vũ Thị T 03 tháng tù;

Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Ngoài ra; Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về phần biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 09/02/2018, bị cáo Vũ Thị T kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm cho bị cáo được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Vũ Thị T khai nhận hành vi đánh bạc trái phép dưới hình thức bán số đề được thua bằng tiền đúng như nội dung Bản án sơ thẩm. Bị cáo giữ

nguyên kháng cáo yêu cầu được hưởng án treo; bổ sung kháng cáo yêu cầu được áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ hoặc được áp dụng hình phạt chính là phạt tiền.

Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên thể hiện như sau:

- Về thủ tục tố tụng: đơn kháng cáo của bị cáo gửi đến Tòa án trong thời hạn kháng cáo theo quy định tại Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự nên được Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý, giải quyết là phù hợp.

- Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo Vũ Thị T 03 tháng tù về “Tội đánh bạc” là có phần nghiêm khắc; bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999; bị cáo cũng đã giao nộp số tiền bán số đề và số tiền thu lợi bất chính là 7.001.000 đồng. Xét thấy không cần phải bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù mà áp dụng hình phạt chính là phạt tiền đối với bị cáo cũng đủ sức răn đe, giáo dục bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355; điểm d khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự, chấp nhận kháng cáo yêu cầu được áp dụng hình phạt chính là phạt tiền của bị cáo, sửa Bản án sơ thẩm. Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 30 của Bộ luật Hình sự năm 1999; xử phạt bị cáo Vũ Thị T hình phạt chính là phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 12.000.000 đồng về “Tội đánh bạc”. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

Bị cáo Vũ Thị T phát biểu ý kiến: Xin Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng hình phạt chính là phạt tiền đối với bị cáo như Kiểm sát viên đã đề nghị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm; bị cáo Vũ Thị T khai nhận hành vi đánh bạc trái phép dưới hình thức mua bán số đề được thua bằng tiền phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, với các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, thể hiện: vào ngày 03/8/2017, tại ấp Đ, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre, bị cáo Vũ Thị T đã thực hiện hành vi đánh bạc trái phép dưới hình thức bán số đề được thua bằng tiền cho Thái Văn Hoài H, Mai Thị N, Trần Văn M, Nguyễn Thị P (mua dùm cho Võ Văn B) và Võ Hoài N1 với tổng số tiền dùng vào việc đánh bạc là 5.362.000 đồng. Với ý thức, hành vi và hậu quả xảy ra, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố bị cáo Vũ Thị T phạm “Tội đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 248 của Bộ luật Hình sự năm 1999 là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[2] Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét tính chất của vụ án, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự

đối với bị cáo theo quy định tại các điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999; xử phạt bị cáo Vũ Thị T 03 tháng tù.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo Vũ Thị T yêu cầu được hưởng án treo, hoặc được áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ, hoặc được áp dụng hình phạt chính là phạt tiền. Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: mặc dù vào ngày 02/6/2016 bị cáo đã bị Đội Quản lý thị trường số 4 - Chi cục Quản lý thị trường tỉnh Bến Tre ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính với số tiền 3.500.000 đồng về hành vi kinh doanh hàng cấm là thuốc lá điều nhập lậu nhưng bị cáo đã chấp hành xong vào ngày 03/6/2016; bị cáo không có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, số tiền bị cáo dùng vào việc đánh bạc trái phép không lớn nên gây nguy hại cho xã hội không lớn, sau khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã tự nguyện giao nộp số tiền bán số đề và số tiền thu lợi bất chính là 7.001.000 đồng để sung quỹ Nhà nước, bị cáo có cha là người có công với đất nước, cha của bị cáo là người già, bị cáo có con chưa thành niên còn đang đi học. Xét thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, quyết định của Bản án sơ thẩm áp dụng hình phạt tù có thời hạn so với hành vi phạm tội và hậu quả bị cáo đã gây ra là có phần nghiêm khắc. Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy có căn cứ để chuyển sang hình phạt khác thuộc loại nhẹ hơn cũng đủ sức răn đe, giáo dục bị cáo; vì vậy chấp nhận kháng cáo của bị cáo, sửa Bản án sơ thẩm, áp dụng hình phạt chính là phạt tiền đối với bị cáo là phù hợp.

[4] Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận kháng cáo của bị cáo, áp dụng hình phạt chính là phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 12.000.000 đồng đối với bị cáo là có căn cứ pháp luật nên được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

[5] Về án phí: Do kháng cáo được chấp nhận nên bị cáo không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

[1] Căn cứ vào điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 355; điểm đ khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự; chấp nhận kháng cáo yêu cầu được áp dụng hình phạt chính là phạt tiền của bị cáo Vũ Thị T; sửa Bản án sơ thẩm số 01/2018/HS-ST ngày 06/02/2018 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Bến Tre về biện pháp chấp hành hình phạt đối với Vũ Thị T;

Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 30 của Bộ luật Hình sự năm 1999;

Xử phạt bị cáo Vũ Thị T hình phạt chính là phạt tiền với số tiền 12.000.000 (mười hai triệu) đồng về “Tội đánh bạc”.

[2] Về án phí: căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng Điều

23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Bị cáo Vũ Thị T không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về phân biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng và án phí không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

[4] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Vụ GĐKT I - Tòa án nhân dân tối cao (1b);
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Bến Tre (1b);
- Tòa án nhân dân huyện G (3b);
- Công an và VKSND huyện G (2b)
- Chi cục THADS huyện G (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- UBND xã T (1b);
- Bị cáo tại ngoại (1b);
- Phòng KTNV & THA, Tòa Hình sự, Văn phòng TAND tỉnh Bến Tre (5b);
- Lưu hồ sơ vụ án (1b).

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Tôn Văn Thông